

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH NGÔN NGỮ ĐỨC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4062 /QĐ - ĐT ngày 29 tháng 11 năm 2012
của Giám đốc ĐHQGHN)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Đức

+ Tiếng Anh: German

- Mã số ngành đào tạo: 52220205

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Đức

Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in German

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân có kiến thức lý luận và thực hành về chuyên ngành tiếng Đức cũng như văn hóa các nước nói tiếng Đức, có năng lực tiếng Đức tương đương cấp độ C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu, có kiến thức về các định hướng như định hướng chuyên ngành Tiếng Đức Phiên dịch/ Tiếng Đức Kinh tế/ Tiếng Đức Du lịch và ứng dụng những kiến thức này vào các hoạt động biên-phiên dịch hoặc kinh tế hoặc du lịch, hoặc trong các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, có khả năng tham gia học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc cao hơn.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng dự thi: Thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học hàng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN và của trường ĐH Ngoại ngữ.

- Khối thi: Khối D. Môn thi: Toán, Văn, Ngoại ngữ. Trong đó Ngoại ngữ có thể là tiếng Anh (D1) hoặc tiếng Đức (D5). Môn thi ngoại ngữ tính hệ số 2.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

- Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin, nguyên lý Von Neumann, mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Hiểu và áp dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ trong các trường hợp cụ thể.

- Trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt chuẩn B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu. Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong các chủ đề về công việc, trường học, giải trí, v.v. Xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. Viết đơn giản

những liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương. Vận dụng được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao cộng đồng.

- Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

1.2. Kiến thức chung theo lĩnh vực

- Nắm được các kiến thức cơ bản về địa lý thế giới và thể hiện được các kiến thức đó bằng Tiếng Đức.

- Có khả năng tìm hiểu và khám phá mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường tại địa phương.

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học thống kê trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo.

- Nắm bắt và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học toán và xác suất thống kê.

1.3. Kiến thức chung của khối ngành

- Nắm vững và vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

- Nắm được bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về ngữ âm, từ vựng-ngữ nghĩa, ngữ pháp, dụng học để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

- Nắm vững và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc một trong năm lĩnh vực sau của khối ngành: (1) kiến thức thực hành tiếng Việt như tiếp nhận văn bản, soạn thảo văn bản nhằm tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt, (2) phương pháp nghiên cứu khoa học và trình bày văn bản bằng tiếng Đức, (3) logic học đại cương, (4) xây dựng và phát triển tư duy phê phán và (5) phát triển năng lực cảm thụ nghệ thuật.

1.4. Kiến thức chung của nhóm ngành

- Nắm vững và áp dụng được những kiến thức cơ bản trong Ngữ âm học, Âm vị học và Hình thái học tiếng Đức, vận dụng những kiến thức đó để nâng cao mức độ chuẩn xác về mặt phát âm và ngữ pháp trong giao tiếp.

- Nắm vững những vấn đề cơ bản của Ngữ pháp và Cú pháp học tiếng Đức và vận dụng được những kiến thức đó trong công việc chuyên môn.

- Nắm được các kiến thức khái quát về văn hóa, xã hội chính trị, lịch sử, tôn giáo, kinh tế, giáo dục và phong tục tập quán của Đức và vận dụng những kiến thức đó vào công việc chuyên môn.

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về giao tiếp liên văn hóa Đức - Việt, về hiện tượng “sốc” văn hóa, nắm được các qui tắc ứng xử, phép lịch sự v.v. và vận dụng những kiến thức đó vào công việc chuyên môn.

- Nắm được các kiến thức phổ quát và cơ bản về 2 trong 9 lĩnh vực ngôn ngữ-văn hóa sau: (1) từ vựng và cấu tạo từ, (2) nghĩa và cấu trúc ngữ nghĩa, (3) đối chiếu ngôn ngữ Đức - Việt, (4) ngữ dụng học, (5) lịch sử văn học Đức, (6) văn học Đức hiện đại, (7) văn hóa văn minh Áo và Thụy Sĩ, (8) văn hóa văn minh thế giới và (9) văn hóa các nước ASEAN. Vận dụng được những kiến thức này trong công việc chuyên môn.

- Sử dụng thành thạo tiếng Đức ở trình độ C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu; có khả năng vận dụng các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng trong hoạt động chuyên môn và nghiên cứu.

1.5. Kiến thức ngành và bổ trợ

- Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ biên-phiên dịch và vận dụng được các kiến thức đó trong công tác biên-phiên dịch.

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kinh tế, tiếng Đức kinh tế và kinh tế Đức và vận dụng được những kiến thức đó vào công việc chuyên môn.

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ du lịch, tiếng Đức du lịch và kinh tế du lịch Đức và vận dụng được những kiến thức đó vào công việc chuyên môn.

1.6. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- Thông qua chương trình thực tập, sinh viên ngành Ngôn ngữ Đức vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ đã lĩnh hội được vào công việc thực tiễn tại các văn phòng, công ty, đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của (1) biên/phiên dịch viên/biên tập viên, (2) thư ký văn phòng/trợ lý đối ngoại/trợ lý kinh doanh (3) hướng dẫn viên du lịch/điều hành du lịch.

- Sinh viên lựa chọn làm khóa luận hoặc học môn học thay thế. Thông qua khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo hình thức dự án nghiên cứu theo chuyên ngành đào tạo dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán, v.v. Các môn học thay thế tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao, thông qua đó sinh viên nắm vững và vận dụng được những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Đức.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và đặc biệt là kỹ năng tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp.

- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Biết phát hiện và giải quyết

những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.

- Có khả năng áp dụng sáng tạo những kiến thức nền, kiến thức và kỹ năng chuyên môn vào các tình huống khác nhau.

- Có khả năng cạnh tranh trên thị trường với chuyên môn và tri thức cao.

- Có khả năng ghi nhớ thông tin, giọng điệu và phát âm tốt.

- Có khả năng xử lý và biên tập các bản dịch.

- Có khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng, khả năng dịch chất lượng và tốc độ, vượt qua được những áp lực, đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

- Có các kỹ năng nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế.

- Có khả năng phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp, kiến nghị trong lĩnh vực tiền tệ, tài chính ngân hàng và kinh tế quốc tế.

- Có khả năng thực hiện chức năng quản trị điều hành các mặt hoạt động của các công ty du lịch, khách sạn, nhà hàng.

- Có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ theo yêu cầu ở vị trí công việc.

- Có khả năng thiết kế, xây dựng chương trình du lịch, xác định giá bán, quảng cáo, tiếp thị sản phẩm, soạn thảo hợp đồng kinh tế, tổ chức điều hành thực hiện chương trình du lịch.

- Có khả năng thuyết trình và xử lý một số tình huống cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn và điều hành du lịch.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và công hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội.

- Có khả năng lập luận, tư duy và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đã theo học.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

Có khả năng hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

Có khả năng tư duy logic, có hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực công tác.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

Có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác. Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

Có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của bối cảnh tổ chức trong sự vận động của nền kinh tế thế giới hiện đại. Nắm vững chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và văn hóa của cơ quan công tác để làm việc thành công.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Có khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề. Hiểu biết và sử dụng các chiến lược để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp, biết cách đáp ứng nhu cầu của khách hàng và nhu cầu của thị trường.

- Vận dụng phù hợp và linh hoạt các kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong hoạt động chuyên môn.

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng và môi trường làm việc, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của đối tượng, về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế; có khả năng sử dụng các thông tin thu được vào công việc chuyên môn.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi nghề nghiệp

Có năng lực sáng tạo và năng lực thúc đẩy sự thay đổi, phát triển trong nghề nghiệp thông qua kỹ năng tự học, học tập suốt đời, tích lũy và phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thích ứng nhanh với những biến động của thực tiễn khách quan.

2.2 Kỹ năng mềm

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

Quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; linh hoạt, thích ứng nhanh với những thay đổi phức tạp của thực tế; có thể tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm

Có kỹ năng làm việc nhóm một cách hiệu quả; có khả năng hợp tác, trao đổi và thỏa thuận để vận hành và phát triển nhóm; có khả năng làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

Có khả năng lãnh đạo, điều phối và làm chủ được tình hình trước những thay đổi, biến động xảy ra trong lĩnh vực công tác; có khả năng lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, điều tiết sự phối hợp cá nhân trong nhóm, biết áp dụng hiệu quả các phương pháp động viên, khuyến khích nhân viên, v.v.); có tác phong lãnh đạo khoa học và hiện đại, gương mẫu trong công việc.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Giao tiếp tốt bằng các hình thức như viết và nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức.

- Có khả năng áp dụng những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng của đời sống xã hội và hoạt động nghề nghiệp.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ

- Giao tiếp thành thạo bằng ngoại ngữ (tiếng Đức) tương đương trình độ C1 trở lên.

- Giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác tương đương trình độ B1 trở lên.

2.2.6. Kỹ năng công nghệ thông tin

- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm khác (EView, SPSS ...) phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết các vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic.

- Có khả năng tiếp cận với các nguồn số hóa, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa v.v.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng.

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; luôn có ý

thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Chăm chỉ, nhiệt tình, kiên trì và say mê công việc, trung thực, có tinh thần trách nhiệm và đáng tin cậy; hành vi chuyên nghiệp; tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn.

- Đảm bảo tính liêm chính, công bằng, vô tư, minh bạch, không phân biệt đối xử trong hoạt động công vụ, ví dụ khi làm nhiệm vụ biên-phiên dịch thì trung thành với văn bản gốc, không thêm bớt, chỉnh sửa hay bóp méo nội dung thông tin và thông điệp của tác giả hoặc của người phát ngôn.

- Đảm bảo bí mật thông tin của khách hàng; có thái độ đúng đắn và hiểu được tầm quan trọng của nhiệm vụ.

- Ứng xử với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác và cộng tác với đồng nghiệp.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân, có tinh thần tự tôn dân tộc; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong các mối quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Ngôn ngữ Đức có thể đảm nhận những vị trí công tác sau đây:

Định hướng chuyên ngành Tiếng Đức Phiên dịch: có khả năng làm việc độc lập với tư cách là *biên dịch viên*, *phiên dịch viên* hoặc *biên tập viên* tại các nhà xuất bản có xuất bản phẩm là tiếng Đức, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức nhà nước hoặc tư nhân trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Định hướng chuyên ngành Tiếng Đức Kinh tế: có khả năng làm *thư ký văn phòng/trợ lý đối ngoại/nhân viên dự án/trợ lý kinh doanh* trong các văn phòng của các

công ty nước ngoài, liên doanh hoặc công ty Việt Nam. Có thể phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, theo dõi hợp đồng liên quan; có khả năng làm việc trong các phòng kinh doanh, tiếp thị, dịch vụ khách hàng, làm việc cho các dự án hợp tác với tư cách là nhân viên hoặc điều phối viên dự án v.v.

Định hướng chuyên ngành Tiếng Đức Du lịch: có thể làm *hướng dẫn viên/nhân viên điều hành du lịch* trong các văn phòng, đại lý du lịch. Có thể lập kế hoạch và xây dựng chương trình đón tiếp khách trong nước và quốc tế, đặc biệt là khách du lịch đến từ các nước nói tiếng Đức, tổ chức các tour du lịch, điều phối hướng dẫn viên hoặc trực tiếp làm hướng dẫn, duy trì và phát triển các mối quan hệ với khách hàng hoặc các đại lý du lịch nước ngoài để khai thác, xây dựng các sản phẩm du lịch v.v.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	131 tín chỉ
- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:	27 tín chỉ
<i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)</i>	
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	6/15 tín chỉ
- Khối kiến thức chung của khối ngành:	8 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>2/14 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:	54 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>48 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/21 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:	27 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>18 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>9 tín chỉ</i>

- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:

9 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (không tính các môn học từ số 9 đến số 11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	17	28		
6		Ngoại ngữ A1	4	16	40	4	
7		Ngoại ngữ A2	5	20	50	5	NN A1
8		Ngoại ngữ B1	5	20	50	5	NN A2
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
11		Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	6/15				
12	GER1001	Địa lý đại cương	3	27	15	3	GER5010
13	GER1002	Môi trường và phát triển	3	27	15	3	GER5010
14	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	15	15		
15	MAT1092	Toán cao cấp	4	42	18		
16	MAT1101	Xác suất thống kê	3	27	18		MAT1092
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	8				
III.1		Bắt buộc	6				
17	HIS1052	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	30	10	5	
18	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	30	10	5	
III.2		Tự chọn	2/14				
19	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	20	6	4	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
20	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	15	13	2	
21	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	6	4	
22	FLF1003	Tư duy phê phán	2	15	13	2	
23	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	20	10		
24	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	22	7	1	
25	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	20	8	2	
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	54				
IV.1		Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa	18				
<i>IV.1.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>12</i>				
26	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	27	15	3	GER5010
27	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	27	15	3	GER5010
28	GER2039	Đất nước học Đức	3	27	15	3	GER5010
29	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	27	15	3	GER5010
<i>IV.1.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>6/21</i>				
30	GER2054	Từ vựng học tiếng Đức	3	27	15	3	GER2042
31	GER2045	Ngữ nghĩa học tiếng Đức	3	27	15	3	GER2042
32	GER2043	Ngữ dụng học tiếng Đức	3	27	15	3	GER2042
33	GER2038	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	27	15	3	GER2042
34	GER2055	Văn học Đức 1	3	27	15	3	GER5010
35	GER2015	Đất nước học Áo - Thụy Sĩ	3	27	15	3	GER5010
36	GER2056	Văn học Đức 2	3	27	15	3	GER2055
IV.2		Khối kiến thức tiếng	36				
37	GER5001	Tiếng Đức 1A	4	16	40	4	
38	GER5002	Tiếng Đức 1B	4	16	40	4	GER5001
39	GER5003	Tiếng Đức 2A	4	16	40	4	GER5002
40	GER5004	Tiếng Đức 2B	4	16	40	4	GER5003
41	GER5005	Tiếng Đức 3A	4	16	40	4	GER5004
42	GER5006	Tiếng Đức 3B	4	16	40	4	GER5005

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>	<i>Tự học</i>	
43	GER5007	Tiếng Đức 4A	4	16	40	4	GER5006
44	GER5008	Tiếng Đức 4B	4	16	40	4	GER5007
45	GER5009	Tiếng Đức 3C	2	5	20	5	
46	GER5010	Tiếng Đức 4C	2	5	20	5	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ (Chọn 1 định hướng)	27				
V.1		Định hướng chuyên ngành Tiếng Đức Phiên dịch	27				
V.1.1		<i>Bắt buộc</i>	18				
47	GER3027	Lý thuyết dịch	3	27	15	3	GER5010
48	GER3029	Phiên dịch	3	12	30	3	GER3027
49	GER3016	Biên dịch	3	12	30	3	GER3027
50	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	15	27	3	GER3029
51	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	15	27	3	GER3016
52	GER3036	Kỹ năng nghiệp vụ biên-phiên dịch	3	15	27	3	GER5009
V.1.2		<i>Tự chọn</i>	9/30				
V.1.2.1		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	6/15				
53	GER3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	15	27	3	GER3029
54	GER3017	Biên dịch chuyên ngành	3	15	27	3	GER3016
55	GER3020	Công nghệ trong dịch thuật	3	15	27	3	GER5010
56	GER3021	Dịch văn học	3	15	27	3	GER3016
57	GER3028	Phân tích đánh giá bản dịch	3	15	27	3	GER3027
V.1.2.2		<i>Các môn học bổ trợ</i>	3/15				
58	GER3025	Kinh tế Đức	3	27	15	3	GER5010
59	GER3024	Kinh tế du lịch Đức	3	27	15	3	GER5010
60	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	15	27	3	GER5010
61	GER3039	Tiếng Đức tài chính - ngân hàng	3	15	27	3	GER5010
62	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	15	27	3	GER5010
V.2		Định hướng chuyên ngành Tiếng Đức-Kinh tế	27				
V.2.1		<i>Bắt buộc</i>	18				
63	GER3029	Phiên dịch	3	12	30	3	GER3027
64	GER3016	Biên dịch	3	12	30	3	GER3027
65	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	15	27	3	GER5010

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
66	INE1050	Kinh tế vi mô	3	35	10		
67	INE1051	Kinh tế vĩ mô	3	35	10		
68	FIB2001	Tiền tệ ngân hàng	3	35	10		INE1051

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
V.2.2		<i>Tự chọn</i>	9/36				
V.2.2.1		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	6/21				
69	GER3043	Tiếng Đức kinh tế nâng cao	3	15	27	3	GER3042
70	GER3025	Kinh tế Đức	3	27	15	3	GER5010
71	BSA2004	Nhập môn quản trị học	3	25	10	10	
72	INE2020	Kinh tế quốc tế	3	25	5	15	INE1051
73	BSA2002	Nhập môn Marketing	3	21	23	1	
74	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	27	18		
75	INE2003	Kinh tế phát triển	3	29	16		INE1051
V.2.2.2		<i>Các môn học bổ trợ</i>	3/15				
76	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	15	27	3	GER3029
77	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	15	27	3	GER3016
78	GER3024	Kinh tế du lịch Đức	3	27	15	3	GER5010
79	GER3039	Tiếng Đức tài chính - ngân hàng	3	15	27	3	GER5010
80	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	15	27	3	GER5010
V.3		<i>Định hướng chuyên ngành Tiếng Đức-Du lịch</i>	27				
V.3.1		<i>Bắt buộc</i>	18				
81	GER3029	Phiên dịch	3	12	30	3	GER3027
82	GER3016	Biên dịch	3	12	30	3	GER3027
83	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	15	27	3	GER5010
84	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	25	15	5	
85	TOU2003	Kinh tế du lịch	3	25	15	5	GER5010
86	GER3045	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	15	27	3	GER5010
V.3.2		<i>Tự chọn</i>	9/27				
V.3.2.1		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	6/12				
87	TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	20	20	5	TOU2003
88	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	25	15	5	TOU2003
89	TOU3013	Hướng dẫn du lịch	3	20	20	5	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
90	GER3041	Tiếng Đức du lịch nâng cao	3	15	27	3	GER3038
V.3.2.2		<i>Các môn học bổ trợ</i>	3/15				
91	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	15	27	3	GER3029
92	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	15	27	3	GER3016
93	GER3042	Tiếng Đức kinh tế	3	15	27	3	GER5010
94	GER3024	Kinh tế du lịch Đức	3	27	15	3	GER5010
95	GER2015	Đất nước học Áo - Thụy Sĩ	3	27	15	3	GER5010
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	9				
96	GER4001	Thực tập	3				
97	GER4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp (Chọn 2 môn trong các môn tự chọn của IV hoặc V)	6				
		Tổng cộng	131				